VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY TÍCH CỰC TRONG GIẢNG DẠY HỌC PHẦN TÂM LÍ HỌC TỘI PHẠM TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

ĐẶNG THANH NGA *

Tóm tắt: *Hiện nay, các phương pháp giảng dạy thụ động, một chiều trước đây đã dần được thay thế bằng các phương pháp giảng dạy tích cực, theo hướng lấy người học làm trung tâm. Trong giai đoạn thực hiện thí điểm đổi mới phương pháp giảng dạy, tác giả đã vừa xây dựng vừa điều chỉnh và vận dụng một số phương pháp giảng dạy tích cực vào giảng dạy học phần Tâm lí học tội phạm. Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng vận dụng phương pháp giảng dạy tích cực trong giảng dạy học phần Tâm lí học tội phạm, bài viết đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng đào tạo tại Trường Đại học Luật Hà Nội nói chung và chất lượng đào tạo đối với môn học này nói riêng.*

Từ khoá: Phương pháp giảng dạy tích cực; vận dụng; học phần; tâm lí học tội phạm

Nhận bài: 03/11/2022 Hoàn thành biên tập: 23/3/2023 Duyệt đăng: 23/3/2023

THE APPLICATION OF ACTIVE TEACHING METHODS IN CRIMINAL PSYCHOLOGY MODULE AT HANOI LAW UNIVERSITY

Abstract: *The former passive, one-way teaching methods have gradually been replaced by active, leaner-centered teaching methods. In the pilot phase of such teaching innovation, the author has developed, adjusted and applied a number of active teaching methods in teaching the Criminal Psychology module. On the basis of analyzing and assessing the current situation of the application of the active teaching methods in the Criminal Psychology module, the article proposes several recommendations to improve the training quality at Hanoi law University in general, and the training quality of this module in particular.*

Keywords: Active teaching methods; application; module; criminal psychology

Received: Nov 3rd, 2022; Editing completed: Mar 23th, 2023; Accepted for publication: Mar 23th, 2023

1. Một số vấn đề lí luận về phương pháp giảng dạy tích cực

1.1. Khái niệm phương pháp giảng dạy tích cực

Có nhiều khái niệm khác nhau về phương pháp giảng dạy tích cực. Phương pháp giảng dạy tích cực là một thuật ngữ rút gọn, được dùng ở nhiều trường học thuộc các quốc gia trên thế giới và Việt Nam để chỉ những phương pháp giáo dục, dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học. "Tích cực" trong phương pháp giảng dạy được dùng với nghĩa là giảng dạy theo tiếp cận dựa trên năng lực, dạy học bằng cách đưa ra những câu hỏi kích thích tư duy sáng tạo, coi trọng tư duy phản biện trong quá trình kiểm tra, đánh giá hơn là trí nhớ. Phương pháp giảng dạy tích cực hướng đến các hoạt động dạy và học nhằm tích cực hoá hoạt động học tập và phát triển tính sáng tạo của người học, trong đó các hoạt động học tập được tổ chức, định hướng bởi người dạy.

* **Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội**
E-mail: dangthanhnga@hlu.edu.vn

Người học không thụ động, chờ đợi mà tự lực, tích cực tham gia vào quá trình tìm hiểu, khám phá, phát hiện kiến thức, vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề trong thực tiễn, qua đó, lĩnh hội nội dung học tập và phát triển năng lực[1]. Nghĩa là phương pháp giảng dạy tích cực tập trung vào phát huy tính chủ động của người học chứ không phải tập trung vào phát huy tính chủ động của người dạy, tuy nhiên để giảng dạy theo phương pháp tích cực thì giảng viên phải nỗ lực nhiều so với giảng dạy theo phương pháp thụ động.

Với phương pháp giảng dạy tích cực hình thành hai về: Đối với người học cần tích cực nhận thức, có khát vọng hiểu biết, cố gắng trí lực và có nghị lực cao trong quá trình chiếm lĩnh tri thức. Tích cực hoá các hoạt động học tập của sinh viên nhằm chuyển biến vị trí người học từ thụ động sang chủ động, từ đối tượng tiếp nhận tri thức sang chủ thể tìm kiếm tri thức để nâng cao hiệu quả trong quá trình học tập. Đối với người dạy cần có những tác động đến từng cá nhân sinh viên để sinh viên trở nên năng động hơn, linh hoạt hơn. Phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hoá người học là phương pháp mà ở đó giảng viên phải tạo được các hoạt động dạy học làm cho người học tích cực hơn, năng động hơn và tạo cho người học cơ hội phát huy được tính sáng tạo của mình như: đa dạng các hình thức học (làm cho người học biết cách tự nghiên cứu tài liệu, tự đúc rút kết quả học tập, biết thảo luận, giải thích, trình bày, biết bảo vệ ý kiến, biết cách chia sẻ và chấp nhận ý kiến của người khác...)[2]. Muốn làm được như vậy, giảng viên không chỉ đóng vai trò là người truyền đạt kiến thức, mà trở thành người thiết kế, tổ chức, hướng dẫn các hoạt động hoạt động học tập cho sinh viên. Giảng viên phải có kiến thức sâu, rộng, có kĩ năng sư phạm và phải đầu tư công sức, thời gian nhiều hơn so với cách dạy học thụ động để thực hiện vai trò là người gợi mở, xúc tác, động viên, cố vấn, trọng tài trong các hoạt động tìm tòi, hào hứng, tranh luận sôi nổi của sinh viên. Về phía sinh viên, phải thể hiện vai trò hoạt động là chính trên lớp, thể hiện sự chủ động, tích cực, sáng tạo trong các hoạt động thông qua sự hướng dẫn của giảng viên để chiếm lĩnh tri thức và kĩ năng.

Các nghiên cứu cho thấy sinh viên gần như đạt được kết quả mong muốn và cảm thấy thỏa mãn với nền giáo dục khi họ được học một cách tích cực, được tham gia chủ động vào các dạng hoạt động học tập khác nhau. Học tập chủ động giúp sinh viên có được cách tiếp cận sâu trong quá trình học. Cách tiếp cận sâu có nghĩa là sinh viên chủ tâm để tìm hiểu các khái niệm, thay vì đơn thuần chỉ tái hiện thông tin trong các bài thi[3].

Nghiên cứu của Biggs J. cho thấy có mối liên quan chặt chẽ giữa các hoạt động của người học với hiệu quả học tập. Tỉ lệ kiến thức mà người học tiếp thu được sẽ tăng lên khi được vận dụng đa giác quan vào hoạt

[1] Nguyễn Lăng Bình (Chủ biên) (2021), *Dạy và học tích cực, một số phương pháp và kĩ thuật dạy học*, Nxb. Đại học Sư phạm, tr. 15.

[2] Đặng Thành Hưng (2002), *Dạy học hiện đại - Lí luận biện pháp kĩ thuật*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 26.

[3] Edward F. C., Johan M., Sören Ơ., and Doris R. B. (2007), *Rethinking Engineering Education - The CDIO Approach*, Springer Science Business Media, tr. 286.

động học tập, kiến thức được sử dụng trong thực tế và đặc biệt nếu kiến thức đó được dạy lại (truyền đạt lại) cho người khác[4].

1.2. Một số phương giảng dạy tích cực

1.2.1. Phương pháp thuyết trình

Phương pháp thuyết trình được hiểu là phương pháp thông tin một chiều. Giáo viên nêu ra các ý tưởng, khái niệm, phát triển, đánh giá và cuối cùng tóm tắt các ý chính đã nêu trong khi sinh viên ngồi nghe và ghi chép[5]. Gurpreet Kaur cho rằng trong tốc độ phát triển của khoa học công nghệ, thuyết trình vẫn là hình thức giảng dạy chính trong các trường đại học, cao đẳng vì bốn lí do cơ bản sau: phương pháp thuyết trình là hiệu quả, thời gian lên kế hoạch cho việc tổ chức các hoạt động khác ít hơn thời gian cho đầu tư bài giảng; thuyết trình rất linh hoạt và có thể thích nghi với nhiều loại đối tượng; hầu hết mọi người có thể cùng học trong một lớp học; thuyết trình dễ dàng hơn cho giảng viên vì giảng viên đơn giản là người nói với sinh viên về nội dung cần giảng dạy[6]. Ưu điểm nổi bật của phương pháp này là giúp giảng viên có thể cung cấp tất cả các kiến thức liên quan đến chủ đề, tiết kiệm thời gian, sinh viên chăm chú lắng nghe bài giảng và chi chép. Hạn chế của phương pháp này là dẫn đến sự nhàm chán của sinh viên vì giảng viên là những người đọc, nói với giọng đều đều, các bài giảng thường được xem như là một bài độc thoại dài[7]. Để phương pháp này trở thành tích cực, phát huy được tính tích cực chủ động, sáng tạo của người học thì giảng viên cần biết sử dụng, tiết chế phù hợp bằng giọng nói, ánh mắt, động tác, gương mặt biểu cảm, trao đổi bằng các câu hỏi và trả lời, nhấn mạnh những phần quan trọng.

Theo Hartley và Davies (1978) trong 10 phút đầu sinh viên nhớ 70% kiến thức, 10 phút cuối 10%. Sự chú ý cao độ với nguồn thông tin bên ngoài chỉ có thể đạt được từ 10 phút trở lại. Kết quả nghiên cứu cho rằng có 2 phút dừng để thảo luận sau mỗi lần nghe khoảng 15 - 20 phút và có ít nhất 2 phút để ghi lại nội dung chính thì sinh viên sẽ nhớ bài tốt hơn, ngược lại sẽ quên 75% đến 90% sau 24 tiếng[8].

1.2.2. Phương pháp động não

Phương pháp động não được định nghĩa là cách thức vận dụng kinh nghiệm và sáng kiến mỗi người trong thời gian tối thiểu tùy vấn đề đưa ra để có được tối đa những dữ kiện tốt nhất[9]. Động não là phương pháp

---

[4] Biggs J. (2003), *Teaching for Quality Learning At University*, 2nd ed., The Society for Research into Higher Education and Open University Press, Berkshire, England, tr. 230.

[5] Thái Duy Tuyên (2010), *Phương pháp dạy học truyền thống và đổi mới*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, tr. 58 - 59.

[6] Lê Khánh Bằng (2005), "Yêu cầu mới của thời đại, của đất nước đối với giáo viên và phương hướng đổi mới phương pháp dạy-học ở các trường sư phạm", *Tạp chí Giáo dục*, số 122, tr. 16 - 18.

[7] Waugh G.H., Waugh R.F. (1999), "The value of lectures in teacher education: The group perspective", *Australian Journal of Teacher Education*, Vol. 24, No. 1, tr. 35 - 51.

[8] Nguyễn Thị Lan Anh (2017), "Nghiên cứu ứng dụng phương pháp giảng dạy tích cực vào học phần "Nguyên lí kế toán" nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy tiếp cận CDIO tại Đại học Công nghiệp Hà Nội", *Tạp chí Khoa học và Đào tạo ngân hàng*, số 187, tháng 12, tr. 71.

[9] Nguyễn Thành Hải và cộng sự (2010), *Giới thiệu một số phương pháp giảng dạy cải tiến giúp sinh*

giúp sinh viên tư duy sáng tạo và đề xuất các giải pháp. Để phương pháp này thực hiện hiệu quả, giảng viên cần cung cấp hệ thống các thông tin làm tiền đề cho buổi học, phân trưởng nhóm và thư kí nhóm để ghi chép; xác định vấn đề hay ý kiến sẽ được động não, các thành viên trong nhóm phải hiểu thấu đáo vấn đề được tìm hiểu; cần xác định không có câu trả lời sai; tất cả các câu trả lời, các cụm từ đều được ghi chép lại.

1.2.3. Phương pháp suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ

Phương pháp này được thực hiện bằng cách cho các sinh viên cùng đọc tài liệu hoặc suy nghĩ về một vấn đề, sau đó các sinh viên ngồi bên cạnh nhau có thể trao đổi với nhau về ý kiến và kinh nghiệm của mỗi người trong một khoảng thời gian nhất định (khoảng vài phút), sau đó chia sẻ với cả lớp[10]. Phương pháp này có ưu điểm là rất dễ dàng thực hiện với mọi cấu trúc lớp học, ai cũng có thể tham gia được vào việc chia sẻ ý kiến của mình, tạo được sự tự tin cho người học nói ra những suy nghĩ của mình (đây là điểm yếu đối với đa số các sinh viên Việt Nam), giúp các sinh viên tập trung vào chủ đề đang học, biết mình đang học gì và đã hiểu vấn đề đến đâu, thậm chí nêu lên cả những vấn đề mới cho bài học, từ đó sinh viên có khả năng giao tiếp, tư duy xét đoán, phản biện. Để thực hiện phương pháp này, giảng viên yêu cầu sinh viên đọc bài trước ở nhà hoặc giảng viên phát tài liệu để sinh viên nghiên cứu trong một thời gian ngắn đồng thời đưa ra một số câu hỏi liên quan để sinh viên tìm đọc và trả lời.

1.2.4. Phương pháp thảo luận nhóm

Phương pháp thảo luận nhóm là phương pháp trao đổi ý tưởng, quan điểm nhận thức trong một nhóm. Nhóm có thể hình thành từ 5 - 10 sinh viên; tùy vào mục đích, yêu cầu của vấn đề học tập mà các nhóm có thể phân thành ngẫu nhiên hay có chủ định, được ổn định duy trì hay thay đổi trong từng phần của môn học, được giao cùng một nhiệm vụ hay những nhiệm vụ khác nhau. Phương pháp này tạo cơ hội cho mọi người cùng nhau tham gia, khai thác tiềm năng của mỗi cá nhân, rèn luyện được kĩ năng diễn giải, tương tác nhóm, hùng biện, lập luận, thuyết trình trước đám đông. Tuy nhiên, giảng viên phải nghiên cứu kĩ nội dung, đưa ra mục tiêu, yêu cầu của buổi thảo luận và bao quát hết các vấn đề tranh luận trong nhóm, dẫn dắt buổi thảo luận đi đúng hướng.

1.2.5. Phương pháp học dựa trên vấn đề

Mục tiêu của học dựa trên vấn đề (được định nghĩa là việc nghiên cứu có chiều sâu về một chủ đề học tập) là để học nhiều hơn về một chủ đề chứ không phải là chỉ tìm ra những câu trả lời đúng cho những câu hỏi được giáo viên đưa ra. Trong phương pháp học dựa trên vấn đề, sinh viên vừa nắm được kiến thức mới, vừa nắm được phương pháp lĩnh hội kiến thức đó, phát triển tư duy chủ động, sáng tạo, được chuẩn bị một năng lực thích ứng với đời sống xã hội, phát hiện kịp thời và giải quyết hợp lí các vấn đề nảy

---

viên chủ động học tập và trải nghiệm, đạt chuẩn đầu ra theo CDIO, Kỉ yếu Hội thảo CDIO 2010, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 6.

[10] Lyman F. (1987), *Thinhk - Pair-share: An expanding teaching technique*, MAA - CIE, Cooperrative News, 1, tr. 1 - 2.

sinh[11]. Trong phương pháp này, giảng viên xây dựng vấn đề, các câu hỏi chính cần nghiên cứu, cung cấp nguồn tài liệu tham khảo. Sau đó giảng viên tổ chức lớp học nghiên cứu vấn đề (chia nhóm, giao vấn đề, thống nhất các quy định về thời gian, phân công trình bày, đánh giá...). Các nhóm tổ chức nghiên cứu, thảo luận trả lời các câu hỏi của vấn đề đồng thời báo cáo.

1.2.6. Phương pháp nghiên cứu tình huống

Theo Hammond J.S. tại Đại học Havard, "Case Study" hay còn gọi là "Case method" là phương pháp dạy học thông qua nghiên cứu trường hợp điển hình. Ở đây người học được giới thiệu một tình huống cụ thể, có thật và được đặt vào vị trí của người ra quyết định để giải quyết vấn đề trong tình huống ấy[12]. Yếu tố cấu thành chủ yếu của phương pháp nghiên cứu tình huống là dựa trên các tình huống thực tế của cả giảng viên và sinh viên. Mục đích chính của các tình huống là miêu tả, trao đổi kinh nghiệm về cách thức giải quyết vấn đề và những mâu thuẫn trong khi thực hiện công việc được giao. Bằng những tình huống khác nhau cần giải quyết trong khoảng thời gian định sẵn cùng nguồn lực có hạn, người học được đặt vào vị trí cần phải đưa ra quyết định hoặc kêu gọi sự hỗ trợ của các thành viên cùng nhóm để tìm hướng giải quyết hợp lí. Sự đa dạng của các tình huống được đưa ra không chỉ khuyến khích người học phát huy tính chủ động, óc sáng tạo mà còn đem đến sự thoải mái, sảng khoái về mặt tinh thần trong lớp học. Yếu tố này làm cho người học có thể tiếp thu nội dung kiến thức bài giảng dễ dàng, sâu và nhớ lâu hơn các phương pháp dạy học truyền thống[13].

1.2.7. Phương pháp dạy học theo dự án

Phương pháp dạy học theo dự án là tổ chức việc dạy và học thông qua các dự án thực tế. Dự án ở đây được hiểu là những nhiệm vụ phức tạp dạng các câu hỏi hay vấn đề mang tính kích thích người học tìm hiểu, khám phá[14]. Dạy học theo dự án là phương pháp dạy học trong đó người học thực hiện nhiệm vụ học tập phức tạp, có sự kết hợp giữa lí thuyết và thực hành nhằm tạo ra một sản phẩm cụ thể. Nhiệm vụ học tập được người học thực hiện với tính tự lực cao trong quá trình học tập, từ việc xác định mục đích, lập kế hoạch đến việc thực hiện dự án, kiểm tra, điều chỉnh, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện[15]. Với phương pháp học này, người học sẽ phải làm việc theo nhóm và khám phá những vấn đề gắn liền với cuộc sống, sau đó sẽ thuyết trình trước lớp và chia sẻ những gì họ đã làm được trong dự án của mình. Trong buổi thuyết trình có thể sử dụng các phương tiện nghe nhìn, một vở kịch, một bản báo cáo

[11] Hmelo- Silver C.E (2004), "Problem- based learning: What and how do students learn?", *Educational Psychology Review*, 16, tr. 235 - 266.

[12] Trần Hương Giang (2018), "Vận dụng phương pháp nghiên cứu tình huống (case study) trong giảng dạy học phần "Kĩ năng làm việc nhóm", *Tạp chí Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương*, số 572, tr. 10 - 12.

[13] Scholz R. W., Tietje Olaf (2002), *Embedded Case Study Methods. Integrating Quantitative and Qualitative Knowledge*, Sage Publications. California: Thousand Oaks, tr. 114.

[14] Jones B. F., Rasmussen C., and Moffitt M. (1996), *Real-life problem solving: A collaborative approach to interdisciplinary learning*, Washington DC: American Psychological Association, tr. 123.

[15] Nguyễn Lăng Bình (chủ biên) (2021), sđd, tr. 95.

viết tay, một trang web. Theo Bransfor và Stein, phương pháp dạy học theo dự án chú trọng tới những hoạt động có tính chất lâu dài, liên ngành và thường gắn với những vấn đề nảy sinh từ đời sống hiện tại. Bên cạnh đó, phương pháp này còn tạo cơ hội nhằm giúp người học theo đuổi sở thích của mình và tự đưa ra quyết định về câu trả lời hay tìm ra giải pháp cho các vấn đề trình bày trong dự án[16].

2. Thực trạng vận dụng phương pháp giảng dạy tích cực trong giảng dạy học phần Tâm lí học tội phạm

2.1. Khái quát về học phần Tâm lí học tội phạm trong chương trình đào tạo của Trường Đại học Luật Hà Nội

Môn tâm lí học tội phạm là môn khoa học tâm lí ứng dụng. Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về nhân cách người phạm tội, cơ chế của hành vi phạm tội, tâm lí nhóm người phạm tội và khía cạnh tâm lí trong phòng ngừa tội phạm. Trên cơ sở đó, người học có thể phân tích, lí giải nguyên nhân dẫn người phạm tội đến thực hiện hành vi phạm tội và đưa ra các biện pháp đấu tranh phòng chống tình trạng phạm tội dưới góc độ tâm lí học.

Theo cách tiếp cận lấy sinh viên làm trung tâm, nội dung bài giảng của học phần Tâm lí học tội phạm bao gồm 5 chủ đề:

Chủ đề 1. Những vấn đề chung của tâm lí học tội phạm (4 tiết) có mục tiêu là: Hiểu được đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu của tâm lí học tội phạm; đánh giá được các hướng nghiên cứu cơ bản trong tâm lí học tội phạm; vận dụng các phương pháp nghiên cứu của tâm lí học tội phạm trong thực tiễn thông qua các vụ án cụ thể.

Chủ đề 2. Nhân cách người phạm tội (4 tiết) có mục tiêu là: Hiểu các khái niệm cơ bản như: người phạm tội, nhân cách người phạm tội; xác định được các thành phần tạo nên cấu trúc của nhân cách người phạm tội thông qua vụ án cụ thể; phân biệt các loại nhân cách người phạm tội thông qua các vụ án cụ thể; xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành, phát triển nhân cách người phạm thông qua vụ án cụ thể.

Chủ đề 3. Những khía cạnh tâm lí của hành vi phạm tội (8 tiết) có mục tiêu là: Hiểu khái niệm hành vi phạm tội dưới góc độ tâm lí học; xác định các khâu trong cơ chế của hành vi phạm tội thông qua vụ án cụ thể; xác định diễn biến tâm lí của người phạm tội sau khi thực hiện hành vi phạm tội thông qua vụ án cụ thể; xác định nguyên nhân tâm lí xã hội của hành vi phạm tội thông qua vụ án cụ thể.

Chủ đề 4. Tâm lí của nhóm người phạm tội (6 tiết) có mục tiêu là: Hiểu khái niệm nhóm, nhóm người phạm tội; xác định các đặc điểm đặc trưng của nhóm người phạm tội thông qua các vụ án cụ thể; phân biệt các loại nhóm người phạm tội thông qua các vụ án cụ thể; xác định các đặc điểm đặc trưng của người chưa thành niên phạm tội và nhóm người chưa thành niên phạm tội thông qua các vụ án cụ thể.

Chủ đề 5. Phòng ngừa tâm lí tội phạm (4 tiết) có mục tiêu là: Xác định các đặc điểm đặc trưng của phòng ngừa tội phạm dưới góc độ tâm lí học; đưa ra quan điểm của cá nhân về những điểm mạnh và hạn chế của các lí

[16] Bradford J., Stein B. (1993), *The IDEAL problem solver*, 2nd ed., New York, NY: Freeman, tr. 105.

thuyết tâm lí phòng ngừa, đồng thời đưa ra các biện pháp phòng ngừa tội phạm dưới góc độ tâm lí học thông qua các vụ án cụ thể.

2.2. Vận dụng một số phương pháp giảng dạy tích cực

Trong hệ thống các phương pháp giảng dạy, không có phương pháp nào là hoàn toàn thụ động hoặc hoàn toàn tích cực. Đổi mới phương pháp giảng dạy không có nghĩa là gạt bỏ các phương pháp truyền thống, mà vấn đề là giảng viên cần biết sử dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy để phát huy tính tích cực sáng tạo của sinh viên. Để sinh viên tiếp cận theo hướng thực tiễn, tự suy nghĩ và tăng khả năng tư duy trong cách giải quyết vấn đề, khi giảng dạy môn Tâm lí học tội phạm, tác giả đã phối hợp một số phương pháp khác nhau như phương pháp động não, phương pháp suy nghĩ - từng cặp - chia sẻ, phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp học dựa trên vấn đề, phương pháp nghiên cứu tình huống, phương pháp dạy học theo dự án kết hợp với phương pháp thuyết trình.

Trong quá trình giảng dạy trên lớp, tác giả đã phối hợp các phương pháp giảng dạy khác nhau như diễn giảng, kết hợp với nêu vấn đề, sử dụng tình huống từ các vụ án cụ thể.

Bảng 1: Ví dụ về một số tình huống thực tế được sử dụng trong giảng dạy môn Tâm lí học tội phạm

Tình huống	Câu hỏi giải quyết	Các vấn đề giải quyết trong tình huống, phương pháp thực hiện
1) Một đoạn phim ngắn về vụ án N.H.D giết người và cướp tài sản sáng ngày 07/7/2015 ở tỉnh B.P. 2) Giao cho các nhóm tự tìm tình huống từ các vụ án cụ thể.	Vấn đề 1: Những vấn đề chung của tâm lí học tội phạm. Tâm lí học tội phạm hướng đến nghiên cứu những vấn đề gì? Nhiệm vụ nghiên cứu của tâm lí học tội phạm là gì? Kể tên các phương pháp nghiên cứu của tâm lí học tội phạm? Các phương pháp này được áp dụng như thế nào?	Từ các câu hỏi đã nêu, yêu cầu sinh viên thành lập nhóm, thảo luận, trao đổi, giải quyết hệ thống hoá nội dung của vấn đề 1 như đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu của tâm lí học tội phạm là gì, các phương pháp nghiên cứu của tâm lí học tội phạm (những điểm mạnh, hạn chế và được áp dụng như thế nào trong thực tiễn). Sử dụng phương pháp thuyết trình, phương pháp động não, phương pháp suy nghĩ – Từng cặp – Chia sẻ, phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp học dựa trên tình huống, phương pháp nghiên cứu tình huống.
1) Vụ án N.X.Đ ("Đ. N." trú tại thành phố T.B). 2) Vụ án N.V.Đ (trú tại thành phố H.N) giết 5 người gia đình em ruột vào 7h30 ngày	Vấn đề 2: Nhân cách người phạm tội Xác định người phạm tội, nhân cách người phạm tội? Kể tên các thành tố tạo nên cấu trúc	Hình thành nhóm trao đổi. Từ tình huống thực tế khái quát vào bài nêu khái niệm người phạm tội, nhân cách người phạm tội, xác định các thành tố tạo nhân cách người phạm tội, các căn cứ phân loại nhân người phạm tội, xác định kiểu nhân cách người phạm tội và các yếu tố

01/9/2019. 3) Vụ án L.T.K.T (trú tại tỉnh T.B) đã bỏ chất độc xyanua vào trà sữa nhằm đầu độc chị họ nhưng lại khiến một nữ điều dưỡng của Bệnh viện Phổi T.B tử vong ngày 02/12/2019). 4) Giao cho các nhóm tự tìm tình huống từ các vụ án cụ thể.	nhân cách người phạm tội? Kể tên các căn cứ phân chia nhân cách người phạm tội? Dựa vào các đặc điểm đặc trưng của từng loại nhân cách người phạm tội để xác định các kiểu nhận cách người phạm tội? Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành, phát triển nhân cách người phạm tội.	ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển nhân cách người phạm tội. Đồng thời mỗi nhóm lên thuyết trình, các nhóm phản biện, giảng viên tổng kết và đánh giá. Sử dụng phương pháp thuyết trình, phương pháp động não, phương pháp suy nghĩ - từng cặp - chia sẻ, phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp học dựa trên tình huống, phương pháp nghiên cứu tình huống.
1) Vụ án N.Đ.N giết người và cướp tài sản vào 21h30 ngày 04/5/2010 tại quận C.G, thành phố H.N. 2) Giao cho các nhóm tự tìm tình huống từ các vụ án cụ thể.	Vấn đề 3: Những khía cạnh tâm lí của hành vi phạm tội Xác định hành vi phạm tội dưới góc độ tâm lí học? Kể tên ba khâu trong cơ chế của hành vi phạm tội? Diễn biến tâm lí của người phạm tội sau khi thực hiện hành vi phạm tội diễn ra như thế nào? Liệt kê những thiếu sót tâm lí xã hội trong quá trình xã hội hoá cá nhân người phạm tội?	Hình thành nhóm trao đổi. Từ tình huống thực tế khái quát vào bài nêu khái niệm hành vi phạm tội dưới góc độ tâm lí học, xác định ba khâu trong cơ chế của hành vi phạm tội, xác định diễn biến tâm lí của người phạm tội sau khi thực hiện hành vi phạm tội và các nguyên nhân dẫn người phạm tội đến việc thực hiện hành vi phạm tội. Đồng thời mỗi nhóm lên thuyết trình, các nhóm phản biện, giảng viên tổng kết và đánh giá. Sử dụng phương pháp thuyết trình, phương pháp động não, phương pháp suy nghĩ - từng cặp - chia sẻ, phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp học dựa trên tình huống, phương pháp nghiên cứu tình huống.
1) Vụ án P.T.T.H, cùng mẹ và các đồng phạm phạm tội cố ý giết người, đổ bê tông ở B.D ngày 15/3/2019. 2) Vụ án vợ chồng N.X.Đ (Đ.N) và N.T.D cầm đầu băng nhóm tội phạm ở T.B. 3) Giao cho các nhóm tự tìm tình huống từ các vụ án cụ thể	Vấn đề 4: Tâm lí của nhóm người phạm tội Xác định các đặc điểm đặc trưng của nhóm người phạm tội? Phân biệt các loại nhóm tội phạm? Xác định các đặc điểm đặc trưng của người chưa thành niên phạm tội và nhóm chưa người chưa thành niên phạm tội.	Hình thành nhóm trao đổi. Từ tình huống thực tế khái quát vào bài xác định các đặc điểm đặc trưng của nhóm người phạm tội, xác định các loại nhóm người phạm tội cụ thể, xác định định các đặc điểm đặc trưng của người chưa thành niên phạm tội và các loại nhóm người chưa thành niên phạm tội. Đồng thời mỗi nhóm lên thuyết trình, các nhóm phản biện, giảng viên tổng kết và đánh giá. Sử dụng phương pháp thuyết trình, phương pháp động não, phương pháp suy nghĩ - từng cặp - chia sẻ, phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp học dựa trên tình huống, phương pháp nghiên cứu tình huống.

1) Video clip "Cách hành xử của người tù L.V.I"	Vấn đề 5: Phòng ngừa tâm lí tội phạm Xác định các đặc điểm đặc trưng của phòng ngừa tội phạm dưới góc độ tâm lí học? Liệt kê các lí thuyết tâm lí phòng ngừa tội phạm? Đưa ra quan điểm của cá nhân về những điểm mạnh và hạn chế của các lí thuyết tâm lí phòng ngừa	Hình thành nhóm trao đổi. Từ tình huống thực tế khái quát vào bài xác định các đặc điểm đặc trưng của phòng ngừa tội phạm dưới góc độ tâm lí học, đưa ra quan điểm của cá nhân về những điểm mạnh, hạn chế của các lí thuyết tâm lí phòng ngừa và các biện pháp phòng ngừa tội phạm dưới góc độ tâm lí học. Đồng thời mỗi nhóm lên thuyết trình, các nhóm phản biện, giảng viên tổng kết và đánh giá. Sử dụng phương pháp thuyết trình, phương pháp động não, phương pháp suy nghĩ - từng cặp - chia sẻ, phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp học dựa trên tình huống, phương pháp nghiên cứu tình huống, phương pháp dạy theo dự án.

2.4. Đánh giá mức độ hiệu quả của việc vận dụng một số phương pháp giảng dạy tích cực trong giảng dạy học phần tâm lí học tội phạm

Việc vận dụng một số phương pháp giảng dạy tích cực trong giảng dạy học phần tâm lí học tội phạm luôn hướng đến mục tiêu "lấy người học làm trung tâm"; tạo sự hứng thú và lôi cuốn người học tích cực, chủ động trong học tập; nâng cao hiệu quả học tập nhờ vào việc giảm thời lượng thuyết giảng, tăng cường sự tương tác và đa dạng hoá các loại hình hoạt động của cả giảng viên và sinh viên; thực hiện có hiệu quả phương châm "học đi đôi với hành", "lí luận gắn với thực tiễn" và khai thác tối đa kinh nghiệm của người học, qua đó nâng cao chất lượng dạy và học.

Tìm hiểu mức độ hiệu quả của việc vận dụng một số phương pháp giảng dạy tích cực trong giảng dạy học phần Tâm lí học tội phạm, tác giả đã khảo sát 255 sinh viên (55 sinh viên khoá 44 Chất lượng cao ngành Luật và 200 sinh viên khoá 45 ngành Luật) Trường Đại học Luật Hà Nội, năm học 2021 - 2022 đã học học phần Tâm lí học tội phạm và học theo hình thức trực tuyến. Thời gian khảo sát là tháng 3/2022.

Để đánh giá hiệu quả của việc vận dụng một số phương pháp giảng dạy tích cực trong giảng dạy học phần này, tác giả đã sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi với câu hỏi mở: *"Các em vui lòng đưa ra nhận xét đánh giá về phương pháp mà giảng viên đã vận dụng trong giảng dạy học phần Tâm lí học tội phạm?"*. Sau khi xử lí kết quả định tính đã thu được nhiều ý kiến phong phú và tập trung chủ yếu ở các khía cạnh sau đây:

Thứ nhất, hầu hết sinh viên (98,8%) được khảo sát đều cho rằng các phương pháp sử dụng làm bài học dễ hiểu, hiệu quả và sinh viên tiếp thu được nhiều kiến thức.

Bên cạnh đó, có đến 98,3% số sinh viên được khảo sát cho rằng phương pháp giảng dạy trong giờ lí thuyết luôn lồng ghép với những ví dụ thực tiễn từ các vụ án cụ thể. Các chia sẻ của sinh viên cho thấy sinh viên hứng thú với việc vận dụng kiến thức giờ lí thuyết để phân tích một vụ án cụ thể, từ đó hiểu bài sâu hơn và nhớ lâu hơn.

Thứ hai, việc vận dụng phương pháp giảng dạy tích cực vào quá trình giảng dạy học phần Tâm lí học tội phạm của giảng viên đã giúp sinh viên có thái độ tích cực, hứng thú trong học tập; sinh viên có ý thức tích cực trong việc chuẩn bị bài, tự học ở nhà cũng như xây dựng bài trong các buổi học trên lớp và bầu không khí lớp học rất sôi nổi. Kết quả khảo sát cho thấy, 95,6% số sinh viên được hỏi cho rằng có thái độ tích cực, hứng thú trong học tập; 83,5% sinh viên có ý thức tích cực trong việc chuẩn bị bài, tự học ở nhà cũng như xây dựng bài trong các buổi học trên lớp và 97,6% sinh viên cho rằng bầu không khí lớp học rất sôi nổi.

Thứ ba, việc vận dụng phương pháp giảng tích cực vào quá trình giảng dạy học phần Tâm lí học tội phạm của giảng viên đã giúp sinh viên dễ tiếp thu bài giảng và hiểu biết kiến thức môn học. Trên cơ sở đó, sinh viên biết vận dụng các kiến thức được học vào thực tiễn, đồng thời giúp sinh viên chủ động, tư duy sáng tạo, rèn luyện các kĩ năng làm việc nhóm, kĩ năng thuyết trình.

Kết quả khảo sát cho thấy, 89,4% sinh viên được hỏi cho rằng đã vận dụng các kiến thức được học vào thực tiễn và 88,6% sinh viên cho rằng các phương pháp giảng dạy đã giúp sinh viên chủ động, rèn luyện các kĩ năng làm việc nhóm, kĩ năng thuyết trình, kĩ năng phản biện...

3. Một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của việc vận dụng phương pháp giảng dạy tích cực trong giảng dạy tại Trường Đại học Luật Hà Nội thời gian tới

3.1. Về phía Nhà trường

Thứ nhất, cần nâng cao nhận thức, quán triệt tới toàn thể các giảng viên trong việc tiếp tục vận dụng phương pháp giảng dạy tích cực vào trong quá trình giảng dạy cũng như nâng cao hơn nữa hiệu quả của quá trình này, đặc biệt trong điều kiện áp dụng đào tạo tín chỉ hiện nay, bởi việc đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực sẽ góp phần quan trọng nâng cao chất lượng đào tạo và nâng tầm thương hiệu của Nhà trường. Bên cạnh đó, cần có chính sách khuyến khích, động viên và hỗ trợ cho giảng viên khi vận dụng phương pháp giảng dạy tích cực trong giảng dạy.

Thứ hai, việc đổi mới phương pháp giảng dạy hay nâng cao chất lượng cuối cùng mục tiêu cũng là vì người học. Để việc học tập thực chất và hứng thú cũng như thay đổi phương pháp hướng đến hiệu quả, cần đánh giá hiệu quả của nó chính từ phía người học. Thường xuyên lấy ý kiến của người học về việc giảng dạy của giảng viên là một việc nên làm và coi đây là kênh thông tin quan trọng để giảng viên tham khảo, rút kinh nghiệm, từ đó giảng viên có thể điều chỉnh thích hợp về nội dung giảng dạy, đặc biệt là phương pháp giảng dạy cho phù hợp, nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng dạy và học.

Thứ ba, cần tổ chức các hội thảo, toạ đàm khoa học, trao đổi xoay quanh vấn đề đổi mới phương pháp giảng dạy nói chung và vấn đề vận dụng phương pháp giảng dạy tích cực trong quá trình giảng dạy nói riêng. Thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn sẽ giúp cho các giảng viên có điều kiện trao đổi nghiên cứu, tìm tòi, học hỏi được những phương pháp giảng dạy tích cực và kinh nghiệm để vận dụng các phương pháp này vào quá trình giảng dạy phù hợp với đối tượng đào tạo.

Thứ tư, cần tăng cường và hiện đại hoá cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện để

giúp công tác giảng dạy theo phương pháp tích cực đạt hiệu quả cao. Đồng thời cần đầu tư cơ sở dữ liệu phục vụ công tác nghiên cứu, học tập của giảng viên và sinh viên trong Trường bởi với phương pháp giảng dạy tích cực đòi hỏi sinh viên phải chủ động tìm tòi, nghiên cứu tài liệu. Vì vậy, Nhà trường cần xây dựng tài liệu học tập mở, cập nhật giáo trình, tài liệu mới và đa dạng các nguồn tìm kiếm.

3.2. Về phía đội ngũ giảng viên

Để vận dụng phương pháp dạy học tích cực phải có những điều kiện và sự phối hợp đồng bộ của các yếu tố cần thiết, trong đó yếu tố hàng đầu có ý nghĩa quyết định đến hiệu quả của phương pháp dạy học tích cực là vai trò của giảng viên. Muốn nâng cao hiệu quả của việc vận dụng phương pháp giảng dạy tích cực trong giảng dạy thì đối với đội ngũ giảng viên cần phải xác định một số vấn đề sau:

Thứ nhất, song hành cùng việc đổi mới phương thức đào tạo của Nhà trường, giảng viên cần thay đổi quan điểm và phương pháp dạy học theo hướng tích cực, đó là cần có quan điểm dạy học mới: Giảng dạy là khai thác và nuôi dưỡng nội lực của sinh viên để họ chủ động, tự học suốt đời và tạo ra thói quen rèn luyện tư duy, kĩ năng phân tích vấn đề, khả năng tiếp thu, diễn đạt, tổ chức, xử lí thông tin ở người học.

Thứ hai, không ngừng nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn và trách nhiệm nghề nghiệp, qua đó nâng cao hiệu quả đổi mới phương pháp giảng dạy và chất lượng bài giảng. Chất lượng bài giảng thể hiện ở nội dung học thuật, tính cập nhật của kiến thức chuyên môn và thực tiễn cũng như cách thức chuyển tải nội dung bài giảng đến người học một cách hiệu quả nhất. Để đạt được điều này, giảng viên phải thực sự là người tâm huyết với nghề nghiệp và phải có kiến thức chuyên môn sâu rộng, kĩ năng sư phạm. Chính vì vậy, trước hết mỗi giảng viên phải tự ý thức không ngừng nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn (cả lí luận và thực tiễn); thường xuyên cập nhật kiến thức thực tiễn và có lòng say mê tìm tòi, tận tâm trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy. Bởi vì, chỉ thông qua nghiên cứu khoa học giảng viên mới có tri thức và nhận thức đúng đắn các yêu cầu của công tác giảng dạy, những khó khăn và đòi hỏi của việc gắn kết giữa lí luận và thực tiễn nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy. Bên cạnh đó, giảng viên phải nâng cao tinh thần trách nhiệm của mình; thực hiện nghiêm túc quy chế giảng dạy về nội dung chương trình, thời lượng, đánh giá kết quả học tập của sinh viên...

Thứ ba, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp giảng dạy, vận dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy tích cực, phù hợp với đặc thù môn học và đối tượng giảng dạy, khai thác có hiệu quả phương tiện giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy, cả truyền thống và hiện đại, đều có những ưu và nhược điểm riêng. Đối với các môn khoa học xã hội, để đạt được hiệu quả trong giảng dạy, giảng viên phải linh hoạt, sáng tạo vận dụng tổng hợp nhiều phương pháp như: phương pháp thuyết trình, phương pháp động não, phương pháp suy nghĩ - từng cặp - chia sẻ, phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp học dựa trên vấn đề, phương pháp nghiên cứu tình huống, phương pháp dạy học theo dự án... Việc lựa chọn, vận

dụng những phương pháp giảng dạy nào và mức độ sử dụng như thế nào phải căn cứ vào nội dung và đặc điểm môn học, thậm chí từng nội của từng vấn đề trong môn học; căn cứ vào mục tiêu mà giảng viên đặt ra (xuất phát từ mục tiêu đào tạo và chương trình học); căn cứ vào đối tượng người học, điều kiện, phương tiện cơ sở chất của quá trình dạy và học. Thực tiễn giảng dạy cho thấy, để giờ giảng đạt hiệu quả, giảng viên phải phối hợp các phương pháp giảng dạy khác nhau như diễn giảng, kết hợp với nêu vấn đề, sử dụng tình huống từ các vụ án cụ thể và phương tiện khoa học kĩ thuật hỗ trợ, tạo tình huống để lôi cuốn người học tích cực cùng tham gia. Làm được như vậy, bài giảng có sự gắn kết giữa lí luận và thực tiễn sẽ trở nên sinh động không bị khô khan, nhàm chán mà tạo ra được sức hấp dẫn, lôi cuốn người học và tạo hứng thú cho người học trong tiếp nhận kiến thức, từ đó người học sẽ tiếp thu được nhiều kiến thức và biết vận dụng các kiến thức được học vào thực tiễn cũng như rèn luyện các kĩ năng mềm.

Thứ tư, tăng cường tổ chức cho sinh viên thảo luận, nâng cao chất lượng thảo luận, đảm bảo đủ thời lượng theo quy định. Thảo luận là hình thức dạy và học tích cực, thông qua trao đổi, chất vấn, đối thoại giữa giảng viên với sinh viên, giữa sinh viên với sinh viên, qua đó giúp sinh viên nắm kiến thức lí luận và thực tiễn của môn học tốt hơn, khơi dậy tư duy nghiên cứu, tìm tòi, khả năng tự học của sinh viên, đồng thời cũng là điều kiện để giảng viên phải có ý thức hơn trong việc nghiên cứu về chuyên môn nghiệp vụ. Để nâng cao chất lượng và hiệu quả các giờ thảo luận, giảng viên phải chú ý thực hiện tốt các công việc như: lựa chọn hình thức thảo luận, vấn đề thảo luận phù hợp, đảm bảo không quá dễ hoặc quá khó; chuẩn bị tốt cho thảo luận; trong điều hành thảo luận, giảng viên cần luôn khuyến khích chất vấn, tranh luận, lôi cuốn sự tham gia đông đảo của sinh viên, kích thích tính tích cực, tính độc lập, tư duy sáng tạo của họ. Đồng thời, giảng viên cần có các biện pháp nhằm tạo động lực cho sinh viên, là người truyền lửa đam mê trong khám phá, chính phục tri thức như: tôn trọng các nhận định, quan điểm của sinh viên; có lời động viên, khen ngợi khi sinh viên trả lời đúng, hăng hái phát biểu, thảo luận; cộng điểm vào ý thức, thái độ học tập cho sinh viên. Và khi sinh viên có động lực trong học tập họ sẽ chủ động, tích cực trong nghiên cứu, tự khám phá các tri thức mới.

3.3. Về phía sinh viên

Thứ nhất, để phát huy hiệu quả của việc vận dụng phương pháp giảng dạy tích cực trong giảng dạy đòi hỏi cần có sự "cộng tác" của người học với người dạy. Bản thân sinh viên cần phải bỏ thói quen chây ỳ trong học tập, thói quen tiếp nhận tri thức một chiều và thay vào đó phải chủ động, tích cực trong lĩnh hội tri thức, tự giác trong học tập, nghiên cứu các vấn đề và hình thành thói quen học tập tích cực, qua đó nâng cao khả năng tiếp thu bài giảng.

Thứ hai, biết lựa chọn phương pháp học tập phù hợp, đạt hiệu quả cao; cần tự tin, không ngại nói lên quan điểm của mình trong các buổi thảo luận và làm việc nhóm. Rèn luyện cách học hiểu bản chất vấn đề, từ đó có khả năng vận dụng các kiến thức đã học vào trong thực tiễn cũng như rèn luyện tư duy độc lập, tư duy phản biện, tư duy sáng tạo…

Thứ ba, phải chủ động xác định được nội dung chương trình của chuyên ngành đào tạo, xác định được mục tiêu môn học cũng như mục tiêu của từng vấn đề; xây dựng kế hoạch học tập phù hợp và nghiêm túc thực hiện kế hoạch đó. Ngoài ra, sinh viên phải tích cực, chủ động đọc giáo trình, tài liệu tham khảo, chuẩn bị cho thảo luận, làm bài tập đầy đủ,... trước khi lên lớp; biết xác định động lực học tập đúng đắn, tự giác trong học tập./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Lan Anh (2017), "Nghiên cứu ứng dụng phương pháp giảng dạy tích cực vào học phần "nguyên lí kế toán" nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy tiếp cận CDIO tại Đại học Công nghiệp Hà Nội", *Tạp chí Khoa học và Đào tạo ngân hàng*, số 187, tháng 12.
2. Lê Khánh Bằng (2005), "Yêu cầu mới của thời đại, của đất nước đối với giáo viên và phương hướng đổi mới phương pháp dạy-học ở các trường sư phạm", *Tạp chí Giáo dục*, số 122.
3. Biggs J. (2003), *Teaching for Quality Learning At University*, 2nd ed., The Society for Research into Higher Education and Open University Press, Berkshire, England.
4. Nguyễn Lăng Bình (chủ biên) (2021), *Dạy và học tích cực, một số phương pháp và kĩ thuật dạy học*, Nxb. Đại học Sư phạm.
5. Bradford J., Stein B. (1993), *The IDEAL problem solver*, 2nd ed., New York, NY: Freeman.
6. Edward F. C., Johan M., Sören Ö., and Doris R. B. (2007), *Rethinking Engineering Education - The CDIO Approach*. Springer Science Business Media.
7. Trần Hương Giang (2018), "Vận dụng phương pháp nghiên cứu tình huống (case study) trong giảng dạy học phần kĩ năng làm việc nhóm", *Tạp chí Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương*, số 572.
8. Nguyễn Thành Hải và cộng sự (2010), *Giới thiệu một số phương pháp giảng dạy cải tiến giúp sinh viên chủ động học tập và trải nghiệm, đạt chuẩn đầu ra theo CDIO*, Kỉ yếu Hội thảo CDIO 2010, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
9. Hmelo - Silver C.E (2004), "Problem-based learning: What and how do students learn?", *Educational Psychology Review*, 16.
10. Đặng Thành Hưng (2002), *Dạy học hiện đại - Lí luận biện pháp kĩ thuật*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
11. Jones B. F., Rasmussen C., and Moffitt M. (1996), *Real-life problem solving: A collaborative approach to interdisciplinary learning*, Washington DC: American Psychological Association.
12. Lyman F. (1987), *Thinhk - Pair-share: An expanding teaching technique*. MAA-CIE. Cooperrative News, 1.
13. Scholz R. W., Tietje Olaf (2002), *Embedded Case Study Methods. Integrating Quantitative and Qualitative Knowledge*. Sage Publications, California: Thousand Oaks.
14. Thái Duy Tuyên (2010), *Phương pháp dạy học truyền thống và đổi mới*, Nxb. Giáo dục Việt Nam.
15. Waugh G.H., Waugh R.F. (1999), "The value of lectures in teacher education: The group perspective", *Australian Journal of Teacher Education*, Vol. 24, No. 1.